**HƯỚNG DẪN ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I MÔN ĐỊA LÝ 10**

**NĂM HỌC 2025-2026**

**I. NỘI DUNG ÔN TẬP**

**1. Kiến thức:**

Ôn tập, Hệ thống hoá, khái quát hoá kiến thức của các chương đã học:

**1.1 Chương 1: Trái Đất**

**Hiểu**

Trình bày được hệ quả các chuyển động chính củaTrái Đất

**1.2. Chương II: Thạch quyển**

**Nhận biết:**

- Trình bày được khái niệm, nguyên nhân của nội lực, ngoại lực.

- Trình bày được tác động của nội lực, ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất.

**1.3. Chương III: Khí quyển**

**-**  Bài 7: Khí quyển. Nhiệt độ không khí.

- Bài 8: Khí áp, gió và mưa

**Cụ thể:**

\* **Nhận biết:**

- Trình bày được khái niệm khí quyển.

- Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ không khí trên bề mặt Trái Đất theo vĩ độ, lục địa, đại dương, địa hình.

- Trình bày được sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất, nguyên nhân của sự thay đổi khí áp.

- Trình bày được một số loại gió chính trên Trái Đất; một số loại gió địa phương.

\* **Thông hiểu:**

- Trình bày được sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất, nguyên nhân của sự thay đổi khí áp.

– Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa trên thế giới.

– Đọc được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất

**\*Vận dụng**

– Vẽ biểu đồ, phân tích được bảng số liệu, hình vẽ, bản đồ, lược đồ về một số yếu tố của khí quyển (nhiệt độ, khí áp, gió, mưa).

– Phân tích được biểu đồ một số kiểu khí hậu.

– Giải thích được một số hiện tượng thời tiết và khí hậu trong thực tế.

**1.4. Chương 4: Thủy quyển**

- Bài 10: Thủy quyển. Nước trên lục địa

- Bài 11: Nước biển và đại dương

**Cụ thể:**

**Nhận biết**

– Nêu được khái niệm thuỷ quyển.

– Trình bày được tính chất của nước biển và đại dương.

**Thông hiểu**

– Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông.

– Phân biệt được các loại hồ theo nguồn gốc hình thành.

– Trình bày được đặc điểm chủ yếu của nước băng tuyết và nước ngầm.

– Giải thích được hiện tượng sóng biển và thuỷ triều.

– Trình bày được chuyển động của các dòng biển trong đại dương.

– Nêu được vai trò của biển và đại dương đối với phát triển kinh tế - xã hội.

**Vận dụng**

– Trình bày được chế độ nước của một con sông cụ thể.

– Nêu được các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt.

– Vẽ được sơ đồ, biểu đồ; phân tích được bản đồ và hình vẽ về thuỷ quyển.

**1.5: Sinh quyển:** Bài 12: Đất và sinh quyển

**Nhận biết**

– Trình bày được khái niệm về đất.

– Trình bày được khái niệm sinh quyển.

**Thông hiểu**

- Phân biệt được lớp vỏ phong hoá và đất.

- Trình bày được các nhân tố hình thành đất.

- Phân tích được đặc điểm và giới hạn của sinh quyển.

- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật.

**2. Kĩ năng**

- Ôn tập vẽ biểu đồ cột, biểu đồ tròn, biểu đồ đường và nhận xét bảng số liệu

- Tính toán xử lí số liệu

**II. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA**

**1. Trắc nghiệm (7,0 điểm = 28 câu/lệnh hỏi)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung/chủ đề** | **Số câu** |
| 1 | Trái đất | 2 |
| 2 | Thạch quyển | 2 |
| 3 | Khí quyển | 7 |
| 4 | Thủy quyển | 9 |
| 5 | Sinh quyển | 8 |

**2. Tự luận (3,0 điểm = 02 câu)**

**III. CÂU HỎI ÔN TẬP**

**Phần trắc nghiêm nhiều lựa chọn**

**Câu 1.** Nguồn năng lượng sinh ra nội lực **không** phải là do

**A**. sự phân huỷ các chất phóng xạ. **B**. sự dịch chuyển các dòng vật chất.

**C.** các phản ứng hoá học khác nhau. **D.** bức xạ từ Mặt Trời đến Trái Đất.

**Câu 2.** Biểu hiện nào sau đây **không** phải là do tác động của nội lực?

**A**. Lục địa được nâng lên hay hạ xuống. **B**. Các lớp đất đá bị uốn nếp hoặc đứt gãy.

**C.** Đá nứt vỡ do nhiệt độ thay đổi đột ngột. **D**. Sinh ra hiện tượng động đất, núi lửa.

**Câu 3.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vận động nội lực theo phương thẳng đứng?

**A.** Xảy ra chậm và trên một diện tích lớn. **B**. Hiện nay vẫn tiếp tục xảy ra một số nơi.

**C.** Làm cho lục địa nâng lên hay hạ xuống. **D**. Gây ra các hiện tượng uốn nếp, đứt gãy.

**Câu 4.** Vận động nội lực theo phương nằm ngang thường

**A.** xảy ra chậm và trên một diện tích lớn. **B**. vẫn tiếp tục xảy ra ở nhiều nơi hiện nay.

**C.** làm cho lục địa nâng lên hay hạ xuống. **D**. gây ra các hiện tượng uốn nếp, đứt gãy.

**Câu 5.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vai trò, đặc điểm của khí quyển?

**A.** Là lớp không khí bao quanh Trái Đất. **B.** Luôn chịu ảnh hưởng của Mặt Trời.

**C.** Rất quan trọng cho phát triển sinh vật. **D.** Giới hạn phía trên đến dưới lớp ôzôn.

**Câu 6.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về tính chất của các khối khí?

**A**. Khối khí cực rất lạnh. **B**. Khối khí chí tuyến rất nóng.

**C.** Khối khí xích đạo nóng ẩm. **D.** Khối khí ôn đới lạnh khô.

**Câu 7.** Từ xích đạo về cực là các khối khí lần lượt là

**A**. Xích đạo, chí tuyến, ôn đới, cực. **B**. Xích đạo, ôn đới, chí tuyến, cực.

**C.** Xích đạo, cực, ôn đới, chí tuyến. **D.** Xích đạo, chí tuyến, cực, ôn đới.

**Câu 8.** Khí áp là sức nén của

**A**. không khí xuống mặt Trái Đất. **B**. luồng gió xuống mặt Trái Đất.

**C.** không khí xuống mặt nước biển. **D**. luồng gió xuống mặt nước biển.

**Câu 9.** Các vành đai khí áp nào sau đây là áp cao?

**A.** Xích đạo, chí tuyến. **B**. Chí tuyến, ôn đới.

**C.** Ôn đới, cực. **D**. Cực, chí tuyến.

**Câu 10.** Các vành đai khí áp nào sau đây là áp thấp?

**A**. Xích đạo, chí tuyến. **B**. Chí tuyến, ôn đới.

**C.** Ôn đới, xích đạo. **D**. Cực, chí tuyến.

**Câu 11.** Vành đai áp nào sau đây chung cho cả hai bán cầu Bắc và Nam?

**A.** Cực. **B**. Ôn đới.

**C.** Chí tuyến. **D**. Xích đạo.

**Câu 12.** Độ muối trung bình cua nước biển là

**A**. 33 %0. **B**. 34 %0. **C.** 35%0. **D.** 36%0.

**Câu 13.** Độ muối của nước biển **khôn**g phụ thuộc vào

**A.** lượng mưa. **B**. lượng bốc hơi.

**C.** lượng nước ở các hồ đầm. **D**. lượng nước sông chảy ra.

**Câu 14.** Độ muối nước biển lớn nhất ở vùng

**A.** xích đạo. **B.** chí tuyến. **C.** cực. **D**. ôn đới.

**Câu 15.** Phát biểu nào sau đây đúng về mối quan hệ giữa độ muối và khối lượng riêng của nước biển?

**A**. Độ mặn càng nhỏ thì khối lượng riêng càng lớn.

**B.** Độ mặn càng lớn thì khối lượng riêng càng nhỏ.

**C.** Độ mặn càng lớn thì khối lượng riêng càng lớn.

**D**. Độ mặn càng nhỏ thì khối lượng riêng rất lớn.

**Câu 16.** Nguyên nhân gây ra thuỷ triều là do

**A.** sức hút của Mặt Trăng, Mặt Trời.

**B**. sức hút của hành tinh ở thiện hà.

**C.** hoạt động của các dòng biển lớn.

**D**. hoạt động của núi lửa, động đất.

**Câu 17.** Dao động thuỷ triều lớn nhất ở trong trường hợp Mặt Trăng, Mặt Trời, Trái Đất nằm

**A**. vuông góc với nhau. **B**. thẳng hàng với nhau.

**C.** lệch nhau góc 45 độ. **D**. lệch nhau góc 60 độ.

**Câu 18.** Dao động thuỷ triều trong tháng lớn nhất vào ngày

**A**. trăng tròn và không trăng. **B.** trăng khuyết và không trăng.

**C.** trăng khuyết và trăng tròn. **D**. không trăng và có trăng.

**Câu 19.** Phát biểu nào sau đây **khôn**g đúng với dao động của thuỷ triều?

**A.** Dao động thường xuyên. **B**. Dao động theo chu kì.

**C.** Chỉ do sức hút Mặt Trời. **D.** khác nhau ở các biển.

**Câu 20.** Phát biểu nào sau đây đúng với hoạt động của các nhân tố hình thành đất?

**A**. Không đồng thời tác động. **B**. Tác động theo các thứ tự.

**C.** Có mối quan hệ với nhau. **D.** Không ảnh hưởng nhau.

**Câu 21.** Căn cứ vào yếu tố nào sau đây để phân biệt đất với đá, nước, sinh vật, địa hình?

**A.** độ ẩm. **B**. độ rắn. **C.** độ phì. **D.** nhiệt độ.

**Câu 22.** Theo Hình 1. Các giai đoạn từ đá mẹ đến hình thành đất, thành phần nào sau đây tham gia tích cực vào quá trình này?

**A**. Địa hình. **B**. Khí hậu. **C.** Sinh vật. **D.** Con người.

**Câu 23.** Ở Bắc bán cầu, gió Tây ôn đới thổi quanh năm theo hướng

**A.** đông bắC. **B.** đông nam.

**C.** tây bắc. **D.** tây nam.

**Câu 24.** Đặc điểm của gió mùa là

**A**. hướng gió thay đổi theo mùa.

**B**. tính chất không đổi theo mùa.

**C.** nhiệt độ các mùa giống nhau.

**D**. độ ẩm các mùa tương tự nhau.

**Câu 25.** Khu vực nào sau đây **không** có gió mùa hoạt động?

**A.** Nam Á. **B**. Đông Nam Á.

**C.** Đông Phi. **D**. Tây Phi.

**Câu 26.** Nguyên nhân hình thành gió mùa chủ yếu là do

**A.** sự nóng lên hoặc lạnh đi không đều giữa lục địa và đại dương theo mùa.

**B**. sự phân bố các vành đai áp xen kẽ và đối xứng nhau qua áp thấp xích đạo.

**C.** các lục địa và các đại dương có biên độ nhiệt độ năm khác nhau theo mùa.

**D**. hoạt động của gió kết hợp với độ cao, độ dốc và hướng sườn núi theo mùa.

**Câu 27.** Nguyên nhân nào sau đây dẫn đến sự thay đổi của các vùng khí áp cao và khí áp thấp ở lục địa và đại dương theo mùa?

**A.** Giữa lục địa và đại dương có sự nóng lên hoặc lạnh đi không đều theo mùa.

**B.** Các vành đai khí áp phân bố xen kẽ và đối xứng nhau qua áp thấp xích đạo.

**C.** Các lục địa và các đại dương có biên độ nhiệt độ năm khác nhau theo mùa.

**D**. Hoạt động của gió kết hợp với độ cao, độ dốc và hướng sườn núi theo mùa.

**Câu 28.** Vào mùa hạ, trung tâm áp thấp I-ran (Nam Á) hút gió

**A.** Mậu dịch từ bán cầu Nam và tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương.

**B**. Mậu dịch từ bán cầu Nam và Đông Bắc từ cao áp phương BắC.

**C.** tây nam từ Bắc Ân Độ Dương và Tín phong bán cầu Bắc.

**D**. từ Bắc Ấn Độ Dương và Đông Bắc từ cao áp phương Bắc.

**Câu 29.** Về mùa đông, gió Đông Bắc thổi từ các cao áp phương Bắc về phía nam

có tính chất

**A.** lạnh, khô. **B**. lạnh, ẩm. **C.** nóng, khô. **D.** nóng, ẩm.

**Câu 30.** Gió nào sau đây thường gây nhiều mưa cho khu vực Đông Nam Á vào

mùa hạ?

**A**. Tín phong bán cầu Bắc.

**B.** Tín phong bán cầu Nam vượt xích đạo.

**C.** Gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương.

**D**. Gió Đông Bắc từ phương Bắc đến.

**PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI**

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ ở bán cầu Bắc**

*(Đơn vị:* °*C)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vĩ độ** | **00** | **200** | **300** | **400** | **500** | **600** | **700** | **800** |
| **Nhiệt độ trung bình năm** | 24,5 | 25,0 | 20,4 | 14,0 | 5,4 | -0,6 | -10,4 | -20,0 |
| **Biên độ nhiệt năm** | 1,8 | 7,4 | 13,3 | 17,7 | 23,8 | 29,0 | 32,2 | 31,0 |

**a)** Nhiệt độ trung bình năm cao ở xích đạo và chí tuyến giảm dần về cực.

**b**) Khu vực chí tuyến có nhiệt độ trung bình năm cao nhất.

**c)** Biên độ nhiệt độ năm tăng từ xích đạo về cực.

**d)** Biên độ nhiệt độ năm thay đổi theo vĩ độ do góc nhập xạ giảm từ xích đạo về cực

**Câu 2: Cho đoạn thông tin sau:**

Gió phơn hình thành và chuyển động song song với mặt đất. Khi bị núi chắn ngang thì gió phải vượt lên cao, lên tầng không khí loãng và lạnh hơn, khiến cho hơi nước ngưng tụ, gây mưa bên triền núi hứng gió và đồng thời làm gió giảm áp suất. Khi đã qua đỉnh núi thì gió trở thành một luồng khí khô hạ áp nên khi đi từ trên cao xuống, gặp không khí đặc hơn gió sẽ bị nén lại. Quá trình đó làm tăng nhiệt độ của gió (quá trình đoạn nhiệt trong nhiệt động lực học).

1. Gió phơn có thể xuất hiện ở nhiều dạng địa hình khác nhau trên trái đất.
2. Ở sườn đón gió nhiệt độ thấp hơn sườn khuất gió (cùng độ cao).
3. Ở sườn khuất gió thường không có mưa trong thời kì gió hoạt động.

d) Dãy núi càng cao, thì khi xuống núi mức gia tăng nhiệt độ càng lớn và càng khô

**Câu 3:** Cho đoạn thông tin sau

“Biển, đại dương có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội; là nơi cung cấp tài nguyên sinh vật, tài nguyên khoáng sản, nguồn năng lượng; có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành hàng hải, du lịch; là môi trường sống có nhiều tác động tích cực đối với sức khoẻ con người”.

a) Khoáng sản quý giá do biển mang lại là dầu khí.

b) Biển và đại dương cho phép phát triển ngành đánh bắt, nuôi trồng hải sản.

c) Về mặt môi trường biển và đại dương giúp điều hoà khí hậu.

d) Năng lượng tái tạo từ biển là mặt trời và địa nhiệt.

**Câu 4: Trong các câu sau, câu nào đúng, câu nào sai?**

1. Sông được cấp nước từ hai nguồn chính: nước mưa và nước băng tuyết tan.
2. Chế độ nước sông đơn giản hay phức tạp là do số lượng nguồn cấp quyết định.
3. Hồ đầm và thực vật có tác dụng điều tiết dòng chảy.

d) Sông có nhiều phụ lưu, nước lũ thoát nhanh, chế độ nước sông bớt phức tạp hơn

C**âu 5: Phát biểu nào sau đây Đúng, phát biểu nào Sai về đặc điểm của lớp vỏ phong hoá?**

a) Là sản phẩm phong hoá của đá gốc.

b) Phần trên cùng của vỏ Trái Đất, chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố bên ngoài.

c) Có cấu trúc phân tầng theo chiều thẳng đứng.

d) Dày hàng trăm mét.

C**âu 6: Nhận định nào sau đây Đúng, Sai về quá trình hình thành đất?**

a) Đá mẹ là nhân tố khởi đầu của quá trình hình thành đất.

b) Tính chất của đất không bị ảnh hưởng bởi tính chất của đá mẹ.

c) Địa hình có tác động chủ yếu đến quá trình phân phối lại lượng nhiệt, ẩm, tích tụ vật liệu.

d) Khí hậu tác động đến đá mẹ, địa hình và sinh vật.

**Câu 7: Trong các câu sau, câu nào đúng, câu nào sai?**

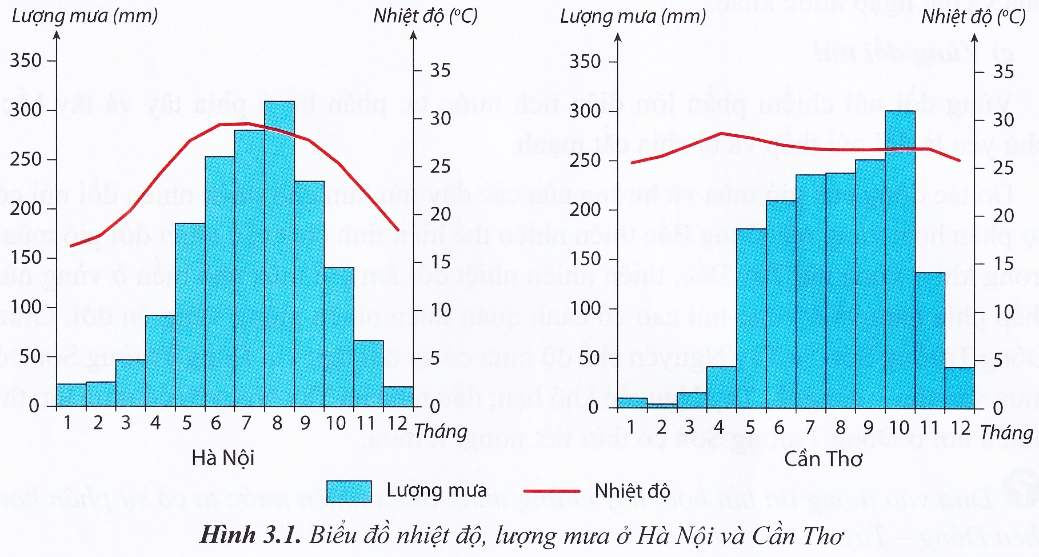
a) Đá mẹ là nhân tố khởi đầu của quá trình hình thành đất.

b) Độ pH quyết định đến độ ẩm trong đất.

c) Các loại đất tự nhiên đều cần có thời gian hình thành.

d) Con người là nhân tố quan trọng trong quá trình hình thành đất.

**Câu 8.** Cho biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa ở Hà Nội và Cần Thơ:

****

**a)** Hà Nội có biên độ nhiệt nhỏ hơn Cần Thơ.

**b)** Cần Thơ có mùa khô sâu sắc hơn Hà Nội.

**c)** Hà Nội có một số tháng nhiệt độ dưới 200C là do ảnh hưởng của gió Tín phong bán cầu Bắc.

**d)** Hà Nội có mùa khô ít sâu sắc hơn là do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc vào cuối mùa đông.

**PHẦN III: TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN**

**Câu 1:** Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng tại Lạng Sơn năm 2021 (đơn vị: 0C)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Nhiệt độ | 13,7 | 18,7 | 22,1 | 24,5 | 26,7 | 26,2 | 25,8 | 26,0 | 24,7 | 21,8 | 19,0 | 15,6 |

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính biên độ nhiệt năm tại Lạng Sơn (làm tròn đến hàng đơn vị của 0C)

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Lưu lượng dòng chảy tháng tại trạm Yên Thượng trên sông Cả**

*(Đơn vị: m3/s)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Lưu lượng | 215 | 169 | 150 | 147 | 275 | 419 | 560 | 918 | 1358 | 1119 | 561 | 295 |

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính lưu lượng dòng chảy trung bình năm tại trạm Yên Thượng trên sông Cả (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m3/s).

**Câu 3:** Khi múi giờ số 0 đang là 3 giờ ngày 8/12/2025 thì múi giờ số -10 đang là mấy giờ ngày nào?

**Câu 4.** Tại độ cao 500m ở sườn đón gió dãy núi Himalaya có nhiệt độ là 280C, cùng thời điểm này nhiệt độ ở độ cao 3000m là bao nhiêu 0C?

**Câu 5.**  Tính nhiệt độ tại chân núi của sườn đón gió biết nhiệt độ tại đỉnh núi là 12 ºC, ngọn núi cao 2800m (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của ºC)

**Câu 6.** Cho bảng số liệu:

**Lượng mưa trung bình năm các tháng trong tại Cà Mau, năm 2022** *(Đơn vị: mm)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Lượng mưa | 0,1 | 0,9 | 105,2 | 327,0 | 319,5 | 225,4 | 565,0 | 228,3 | 409,2 | 352,7 | 313,3 | 71,9 |

*(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)*

Tính tổng lượng mưa trong năm tại Cà Mau. *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm)*

NGUYETDIAQV1@GMAIL.COM

**TỰ LUẬN:**

**-** Cho biết điều kiện để hình thành nước ngầm. Tại sao cần sử dụng hợp lí tài nguyên nước ngầm

**-** Nguyên nhân hình thành gió biển và gió đất, gió phơn, gió mùa

- Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích, xử lý số liệu, tư liệu.

- Vẽ được biểu đồ, nhận xét biểu đồ, phân tích bảng số liệu về khí quyển, thuỷ quyển.